

Một số mô hình dự báo sự thay đổi cách ứng phó bằng kìm nén cảm xúc khi bị bạo lực học đường của học sinh trung học cơ sở

Nguyễn Văn Tường

Trưởng Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn -
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé,
quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: tuongnguyen@hcmussh.edu.vn

TÓM TẮT: Khảo sát bằng bảng hỏi vào tháng 5 năm 2018 trên 417 học sinh trường trung học cơ sở cho thấy, có 3 yếu tố ảnh hưởng đến cách ứng phó bằng kìm nén cảm xúc của học sinh khi các em bị bạo lực học đường. Cách ứng phó bằng kìm nén cảm xúc là việc học sinh cố gắng kiềm chế, che giấu, không bộc lộ ra bên ngoài những cảm xúc của mình khi gặp một hành vi bạo lực học đường nào đó. Cách ứng phó này về lâu dài không giúp học sinh giải quyết được vấn đề của mình. Các yếu tố ảnh hưởng bao gồm: Cách ứng xử giữa phụ huynh và học sinh, cách ứng xử giữa giáo viên và học sinh, nhận thức của học sinh về hành vi bạo lực học đường. Nghiên cứu cũng tìm ra 3 mô hình dự báo có thể tác động làm thay đổi cách ứng phó bằng kìm nén cảm xúc khi học sinh trung học cơ sở bị bạo lực học đường, trong đó cách ứng xử giữa phụ huynh và học sinh là biến số có tác động mạnh nhất đến những thay đổi này. Các kết quả nghiên cứu có thể là những gợi ý về mặt biện pháp nhằm giảm thiểu cách ứng phó bằng kìm nén cảm xúc của học sinh và gia tăng các cách ứng phó tích cực trong trường hợp học sinh là nạn nhân của hành vi bạo lực học đường.

TỪ KHÓA: Hành vi bạo lực học đường; học sinh bị bạo lực học đường; ứng phó bằng kìm nén cảm xúc; các yếu tố ảnh hưởng.

→ Nhận bài 14/5/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/6/2019 → Duyệt đăng 25/7/2019.

1. Đặt vấn đề

Có nhiều quan điểm khác nhau khi nghiên cứu về hành vi bạo lực học đường (HVBLHĐ). Sau khi tổng hợp và phân tích quan điểm của một số tác giả tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam về vấn đề này, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau: Về động cơ, HVBLHĐ là những hành vi có ý thức làm hại người khác. Về cấu trúc tâm lí, hành vi này được thể hiện qua các mặt nhận thức, thái độ và hành động. Về hình thức, HVBLHĐ bao gồm bạo lực tinh thần, thể chất, vật chất và tình dục, trong đó được nhắc đến nhiều nhất là bạo lực tinh thần, thể chất và vật chất. Về đối tượng tham gia, HVBLHĐ có liên quan đến các thành viên trong nhà trường, nhưng thường xảy ra nhiều nhất là giữa học sinh (HS) với HS. Về phạm vi, hành vi này có thể diễn ra ở trong hoặc ngoài không gian trường học. Về hậu quả, HVBLHĐ gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần, thể chất và giá trị vật chất của người bị hại, người gây ra hành vi bạo lực, đặc biệt còn ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của HS, chất lượng giáo dục của nhà trường và ảnh hưởng đến cả gia đình và xã hội [1, tr.78].

Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tìm hiểu HVBLHĐ xảy ra giữa HS với nhau. Trên cơ sở đó, chúng tôi xác định HVBLHĐ của HS trung học cơ sở (THCS) là những hành vi có ý thức làm hại người khác (về các mặt: Thể chất, tinh thần, vật chất) xảy ra trong hoặc ngoài phạm vi trường học, được thực hiện bởi một hoặc một nhóm HS hướng đến một HS khác. Theo đó, HS là nạn nhân của HVBLHĐ được hiểu

là những HS bị làm hại về các mặt tinh thần, thể chất, vật chất do một hoặc một nhóm HS khác gây ra ở trong hoặc ngoài phạm vi trường học. Tùy vào tần suất và mức độ nguy hiểm của hành vi bạo lực, HS sẽ bị ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, tinh thần và giá trị vật chất với các mức độ nghiêm trọng khác nhau. Từ đó, đòi hỏi HS phải ứng phó với hành vi bạo lực ấy theo cách của mình [1, tr.78]. Việc tìm hiểu về cách ứng phó của HS khi bị bạo lực học đường (BLHĐ) cùng những yếu tố ảnh hưởng sẽ giúp chỉ ra một số mô hình dự báo sự thay đổi cách ứng phó của HS khi gặp phải hành vi tiêu cực này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

Theo Lazarus và Folkman (1984), ứng phó là những nỗ lực không ngừng thay đổi về nhận thức và hành vi của cá nhân để giải quyết các yêu cầu cụ thể, tồn tại bên trong cá nhân và trong môi trường mà cá nhân nhận định chúng có tính đe dọa, thách thức hoặc vượt quá nguồn lực của họ [2, tr.140]. Corsini (1999) cho rằng, ứng phó là các nỗ lực về mặt nhận thức và hành vi thay đổi thường xuyên để giải quyết các đòi hỏi cấp bách từ bên ngoài hoặc bên trong hoặc cả hai [3, tr.223]. Snyder và Dinoff (1999) đã tổng hợp những quan điểm trước đó và cho rằng ứng phó là một phản ứng nhằm giảm bớt gánh nặng về thể chất, tinh cảm, tâm lí có liên quan đến các sự kiện cuộc sống căng thẳng và phức tạp hàng ngày [4, tr.13]. Delongis và cộng sự (2011) trong

nghiên cứu về ứng phó với stress đã định nghĩa ứng phó là sự nỗ lực nhận thức và thực hiện các hành vi để giải quyết vấn đề [4, tr.13].

Ở Việt Nam, một số nhà nghiên cứu cũng đưa ra những quan điểm khác nhau về ứng phó như: Phan Thị Mai Hương và cộng sự (2007) [5, tr.42-65], Đinh Thị Hồng Vân (2014) [6, tr.16-18], Nguyễn Thị Huệ (2012) [7, tr.12]... Nhìn chung, các tác giả đều thống nhất về điều kiện kích hoạt cá nhân ứng phó là khi cá nhân gặp phải những tình huống khó khăn, nguy hiểm trong cuộc sống; Ứng phó mang màu sắc cá nhân và phù hợp với mục đích, đặc điểm tâm sinh lý của mỗi người; Cá nhân ứng phó thông qua việc điều chỉnh suy nghĩ, cảm xúc và hành động. Đặc biệt, tác giả Lê Văn Hào (2014), sau khi xem xét tổng hợp các công trình nghiên cứu về ứng phó, thấy có 3 chiều cạnh mang tính chất bao quát và rõ ràng đã được các nhà tâm lý học xác định. Đó là ứng phó định hướng vấn đề, ứng phó định hướng cảm xúc và ứng phó định hướng tránh né. Hướng thứ nhất là nỗ lực thực hiện một số hoạt động nhằm giải quyết vấn đề hay thay đổi vấn đề. Hướng thứ hai là các nỗ lực điều chỉnh cảm xúc khó chịu liên quan đến mối đe dọa/nguy cơ. Hướng thứ ba là các nỗ lực dịch chuyển về mặt vật lý hay tâm lý ra khỏi tình huống căng thẳng [8, tr.28].

Nhìn chung, đứng từ góc độ khoa học tâm lý, ứng phó có một số đặc điểm sau: 1/ Ứng phó là những phản ứng có ý thức phù hợp với mục đích và đặc điểm tâm sinh lý của mỗi cá nhân; 2/ Ứng phó được thể hiện thông qua nhận thức, cảm xúc và hành động của chủ thể; 3/ Ứng phó thể hiện sự chủ động của chủ thể trước những thay đổi theo hướng bất lợi của hoàn cảnh sống; 4/ Ứng phó nhấn mạnh sự nỗ lực muốn cải thiện hoàn cảnh sống theo hướng có lợi cho bản thân của chủ thể.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng: Ứng phó là những phản ứng có ý thức, phù hợp với mục đích và đặc điểm tâm sinh lý của mỗi cá nhân, được biểu hiện qua suy nghĩ, cảm xúc và hành động khi cá nhân gặp phải một tình huống bất lợi, mang tính đe dọa. Dựa trên quan điểm này, chúng tôi xác định: Ứng phó với HVBLHĐ của HS THCS là những phản ứng có ý thức, tương ứng với mục đích và đặc điểm tâm sinh lý của mỗi HS, được biểu hiện thông qua suy nghĩ, cảm xúc và hành động khi HS là nạn nhân của một HVBLHĐ nào đó.

Kết quả nghiên cứu này chỉ đề cập đến biểu hiện ứng phó bằng cảm xúc, cụ thể là ứng phó bằng cách kìm nén cảm xúc của HS THCS khi gặp phải HVBLHĐ. Theo đó, cách ứng phó bằng kìm nén cảm xúc là việc HS cố gắng kiềm chế, che giấu, không bộc lộ ra bên ngoài những cảm xúc của mình khi gặp một HVBLHĐ nào đó. Cách ứng phó này thể hiện ý thức chủ quan về mối quan hệ liên nhân cách giữa HS với người khác. Nhưng về lâu dài, cách ứng phó này không giúp HS giải quyết được vấn đề mà các em đang gặp phải.

Phan Thị Mai Hương đã tổng hợp những nghiên cứu trên thế giới và chỉ ra hai nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến cách ứng phó của trẻ vị thành niên: 1/ Những đặc điểm nhân cách (bao gồm: Yếu tố di truyền, Tự đánh giá, Lòng tự trọng, Mức độ lo lắng, Tính lạc quan, Sự tin tưởng, Tính

chủ động, Mức độ đồng cảm và có trách nhiệm với người khác, Có trách nhiệm với bản thân); 2/ Các yếu tố xã hội (bao gồm: Mức độ thành công trong học tập và cuộc sống, Mức độ thích nghi với căng thẳng hằng ngày, Trải nghiệm cá nhân, Chỗ dựa xã hội, Sự kiện cuộc đời,...) [9, tr.27-29], [5, tr.66-87]. Đinh Thị Hồng Vân (2014) cũng thông qua việc tổng hợp những nghiên cứu có liên quan đến vấn đề này và xác định ứng phó là một quá trình phức tạp, chịu sự tác động của nhiều yếu tố, nhưng có thể khái quát thành hai nhóm là yếu tố xã hội và yếu tố cá nhân. Trong giới hạn nghiên cứu của mình, tác giả đã chỉ ra các yếu tố tác động đến cách ứng phó với những cảm xúc âm tính trong quan hệ xã hội của trẻ vị thành niên bao gồm: Các yếu tố cá nhân (đánh giá của cá nhân về sự kiện gây ra cảm xúc âm tính, tính lạc quan của cá nhân, tự đánh giá về giá trị bản thân, tính chất và cường độ của các cảm xúc âm tính); Các yếu tố xã hội (chỗ dựa xã hội, ảnh hưởng của các tác nhân gây ra cảm xúc âm tính) [6, tr.43-49].

Trong nghiên cứu này, chúng tôi xác định ứng phó với HVBLHĐ của HS THCS là một quá trình tâm lý chịu sự chi phối của nhiều yếu tố khác nhau, có thể chia thành hai nhóm yếu tố cơ bản: 1/ Nhóm các yếu tố liên quan đến cá nhân HS: Nhận thức của HS về các biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của HVBLHĐ; Tính cách của HS (HS là người hướng nội hay hướng ngoại); Thái độ sống của HS (HS có là người biết yêu thương bản thân và yêu thương mọi người, có thái độ sống tích cực, lạc quan hay không); 2/ Nhóm các yếu tố liên quan đến môi trường xã hội mà HS sinh sống: Quan hệ bạn bè của HS; Ứng xử giữa HS và giáo viên trong nhà trường; Ứng xử giữa HS và phụ huynh.

Kết quả nghiên cứu trong báo cáo này sẽ trả lời một số câu hỏi sau: 1/ Thực trạng cách ứng phó bằng kìm nén cảm xúc của HS THCS khi bị BLHĐ?; 2/ Nhận thức của HS THCS về các yếu tố như: Nhận thức của các em bị HVBLHĐ, tính cách, thái độ sống của HS, quan hệ bạn bè của HS, ứng xử giữa HS và giáo viên trong nhà trường, ứng xử giữa HS và phụ huynh?; 3/ Các yếu tố nêu trên có mối liên quan như thế nào với cách ứng phó kìm nén cảm xúc của HS?; 4/ Có những mô hình dự báo nào cho sự thay đổi cách ứng phó kìm nén cảm xúc của HS trước sự tác động của những yếu tố nêu trên?

2.2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Chọn mẫu

Mẫu của nghiên cứu này là mẫu ngẫu nhiên thuận tiện, bao gồm 417 HS trường THCS từ lớp 6 đến lớp 9 tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Thuận. Khách thể nghiên cứu đều là nạn nhân của HVBLHĐ và tự nguyện tham gia vào nghiên cứu này. Việc xác định khách thể là nạn nhân của HVBLHĐ được tiến hành như sau: Sau khi điều tra viên giới thiệu về mục đích, nội dung khảo sát, giới thiệu về 3 hình thức BLHĐ thường gặp (bạo lực tinh thần, bạo lực thể chất và bạo lực vật chất), điều tra viên (là các giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên phụ trách công tác Đoàn - Đội của các trường được khảo sát đã được tập huấn về các nội dung nêu trên và về cách tiến hành khảo sát) mời các HS đã xác định rõ mình là nạn nhân của ít nhất một trong ba hình thức BLHĐ nêu trên và đồng ý

tham gia khảo sát ở lại trả lời bảng hỏi. Với những HS không phải là nạn nhân của HVBLHĐ hoặc không đồng ý tham gia khảo sát sẽ được mời tham gia vào một hoạt động ngoại khóa ở phòng học khác.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu này là điều tra bằng bảng hỏi. Kết quả nghiên cứu trong bài báo này chỉ đề cập đến 2 thang đo:

(1) *Thang đo ứng phó bằng cách kìm nén cảm xúc gồm 4 items*: Em che giấu cảm xúc sợ hãi, lo lắng hoặc tức giận của em trước những kẻ đối xử bạo lực với em; Em che giấu sự lo lắng của em trước mặt người thân trong gia đình; Em che giấu sự bất an của em với giáo viên, bạn bè vì không muốn họ biết tới chuyện này; Em cố gắng vui vẻ với mọi người xung quanh để thoát ra khỏi cảm giác bất an trong người.

(2) *Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến cách thể hiện cảm xúc của HS THCS*. Thang đo này gồm 6 tiểu thang đo: 1/ Nhận thức của HS về HVBLHĐ (6 items); 2/ Thái độ sống của HS (5 items); 3/ Tính cách của HS (hướng ngoại hay hướng nội) (3 items); 4/ Quan hệ bạn bè của HS (gồm 3 items); 5/ Ứng xử giữa nhà trường, giáo viên và HS (6 items); 6/ Ứng xử giữa phụ huynh và HS (5 items). Trong mỗi tiểu thang đo, có một số mệnh đề có ý nghĩa ngược so với các mệnh đề còn lại (Ví dụ, mệnh đề “BLHĐ là chuyện nhỏ/bình thường như các vấn đề khác trong trường học” thể hiện nhận thức chưa đúng về HVBLHĐ, được xem là ngược nghĩa so với các mệnh đề thể hiện nhận thức đúng về HVBLHĐ). Khi tính độ tin cậy, độ hiệu lực và điểm trung bình thang đo, những mệnh đề có nội dung thể hiện nhận thức chưa đúng về HVBLHĐ sẽ được đổi điểm theo chiều ngược lại.

Các dữ liệu thu được từ khảo sát thực tiễn được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Việc kiểm định độ tin cậy và độ hiệu lực của thang đo được thực hiện bằng phương pháp hệ số tin cậy Alpha của Cronbach và phân tích nhân tố khám phá EFA (exploring factor analysis) thông qua phần mềm xử lý SPSS 20.0 để sàng lọc, loại bỏ các biến quan sát không đáp ứng tiêu chuẩn độ tin cậy. Kết quả phân tích thống kê cho thấy, các thang đo có đủ độ tin cậy và độ hiệu lực để tiến hành phân tích thống kê suy luận, cụ thể như sau:

Thang đo Ứng phó bằng cách kìm nén cảm xúc của HS THCS khi gặp phải HVBLHĐ (gồm 4 items), kiểm định Cronbach's Alpha = 0,653, tương quan biến - tổng biến thiên từ 0,357 đến 0,523 đều đạt yêu cầu (>0,3) nên không có biến quan sát nào bị loại. Phân tích EFA với thang đo ứng phó bằng cách kìm nén cảm xúc cho kết quả: Hệ số KMO = 0,695 và kiểm định Bartlett có Sig. = ,000 (< 0,05) cho thấy phân tích EFA là thích hợp. Tại Eigenvalue = 2,073 (>1) rút trích được 1 nhân tố từ 4 biến quan sát với tổng phương sai trích được là 50,32% (> 50%). Như vậy, 1 nhân tố được trích cô đọng được 50,32% biến thiên các biến quan sát. Hệ số tải nhân tố biến thiên từ 0,61 đến 0,78 (>0,5) và không có nhân tố mới nào được hình thành so với khung lý thuyết nghiên cứu đề xuất ban đầu. Như vậy, sau khi phân tích EFA, 4 biến quan sát này đã đảm bảo được tiêu chuẩn phân tích EFA, không có biến nào bị loại ở giai đoạn này.

Thang đo Các yếu tố ảnh hưởng đến ứng phó với HVBLHĐ của HS THCS gồm 28 items và được chia thành 6 nhân tố như đã trình bày. Kiểm định Alpha của Cronbach = 0,918, tương quan biến - tổng biến thiên từ 0,305 đến 0,655. Phân tích EFA cho kết quả: Hệ số KMO = 0,931 và kiểm định Bartlett có Sig. = 0,000 (< 0,05) cho thấy phân tích EFA là thích hợp. Tại Eigenvalue = 1,024 (> 1) rút trích được 6 nhân tố từ 28 item với tổng phương sai trích được là 56,1% (> 50%), như vậy 6 nhân tố được trích cô đọng được 56,1% biến thiên các biến quan sát. Hệ số tải nhân tố biến thiên từ 0,53 đến 0,79 (> 0,5) và không có nhân tố mới nào được hình thành so với khung lý thuyết nghiên cứu đề xuất ban đầu và không có items nào bị loại ở giai đoạn này.

2.2.3. Tính điểm

Trong thang đo Cách ứng phó bằng cách kìm nén cảm xúc các mệnh đề được đánh giá với 5 mức độ lựa chọn của HS tương ứng với các điểm số như sau: Hoàn toàn không đúng với em (1 điểm); Hầu như không đúng với em (2 điểm); Có khi đúng với em, có khi không đúng với em (3 điểm); Hầu như đúng với em (4 điểm); Hoàn toàn đúng với em (5 điểm). Như vậy, điểm trung bình (ĐTB) cộng tối đa là 5, tối thiểu là 1. Điểm định lượng đối với từng mức độ của cách ứng phó này được xác định dựa vào ĐTB cộng đạt được của mẫu nghiên cứu và độ lệch chuẩn (ĐTB = 2,55; SD = 0,87). Cụ thể có mức độ như sau: Mức rất thấp < 0,81 (HS gần như không sử dụng cách ứng phó này); 0,81 ≤ Mức thấp < 1,68 (HS hiếm khi sử dụng cách ứng phó này); 1,68 ≤ Mức trung bình < 3,42 (HS ít khi sử dụng cách ứng phó này); 3,42 ≤ Mức cao < 4,29 (HS thường xuyên sử dụng cách ứng phó này); Mức rất cao ≥ 4,29 (HS rất thường xuyên sử dụng cách ứng phó này).

Trong thang đo Các yếu tố ảnh hưởng đến ứng phó bằng suy nghĩ tiêu cực của HS, các mệnh đề được đánh giá với 5 mức độ đồng ý của HS tương ứng với các điểm số như sau: Hoàn toàn không đồng ý (1 điểm); Hầu như không đồng ý (2 điểm); Có khi đồng ý, có khi không đồng ý (3 điểm); Hầu như là đồng ý (4 điểm); Hoàn toàn đồng ý (5 điểm). Thực trạng các yếu tố này được đánh giá thông qua tổng ĐTB của các tiểu thang đo với ý nghĩa cụ thể như sau: ĐTB càng cao, HS có nhận thức càng đúng đắn về HVBLHĐ, có thái độ sống càng lạc quan, có xu hướng tính cách càng hướng ngoại, có quan hệ bạn bè càng tích cực (quan tâm, chia sẻ, động viên, giúp đỡ lẫn nhau), ứng xử giữa HS và giáo viên càng thân thiện; ứng xử giữa HS và phụ huynh càng gần gũi, tích cực. Ngược lại, ĐTB càng thấp thì các yếu tố trên có ý nghĩa ngược lại.

2.3. Kết quả nghiên cứu thực tiễn

2.3.1. Thực trạng cách ứng phó bằng cách kìm nén cảm xúc của học sinh trung học cơ sở và các yếu tố ảnh hưởng

Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy cách ứng phó này được HS đánh giá ở mức trung bình, tức là HS ít khi sử dụng cách ứng phó bằng cách kìm nén cảm xúc (ĐTB = 2,55; SD = 0,87). Cụ thể, hai phương án có tỉ lệ lựa chọn cao nhất cho các items là “hoàn toàn không đúng với em” và “có khi đúng

với em, có khi không đúng với em”. Trong đó, mệnh đề “em che giấu sự bất an của em với giáo viên, bạn bè vì không muốn họ biết tới chuyện này” có tỉ lệ lựa chọn ở phương án “hoàn toàn không đúng với em” là cao nhất 45,3%, tiếp theo là “em che giấu sự lo lắng của em trước mặt gia đình” là 28,8%, “em che giấu sự sợ hãi của em trước mặt những kẻ hành hạ em” là 26,6%. Với phương án “có khi đúng với em, có khi không đúng với em”, tỉ lệ lựa chọn cho các mệnh đề cũng nằm trong khoảng từ 19,4% đến 33,1%. Với phương án “hầu như đúng với em”, tỉ lệ lựa chọn cho các mệnh đề chỉ nằm trong khoảng từ 11,8% đến 25,4%.

Theo đánh giá của HS, cách ứng xử giữa phụ huynh và HS nhìn chung có sự cởi mở, thân thiện và gần gũi (ĐTB = 3,70); Tính cách của HS không quá hướng ngoại hay hướng nội (ĐTB = 3,53); Cách ứng xử giữa thầy cô và HS có sự gần gũi, thân thiện, tích cực nhưng chưa chiếm ưu thế rõ rệt (ĐTB = 3,50); Quan hệ với bạn của HS đã có sự quan tâm, chia sẻ, động viên, giúp đỡ lẫn nhau nhưng vẫn ở mức trung bình (ĐTB = 3,48); HS có nhận thức tương đối đầy đủ và đúng đắn về HVBLHĐ (ĐTB = 3,46); Cuối cùng HS có thái độ sống tương đối tích cực (ĐTB = 3,36) (xem Bảng 1).

Bảng 1: ĐTB chung đánh giá của HS về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến ứng phó với HVBLHĐ của HS THCS

| STT | Các yếu tố ảnh hưởng | ĐTB | ĐLC |
|-----|-----------------------------|------|------|
| 1 | Nhận thức của HS về HVBLHĐ | 3,46 | 0,68 |
| 2 | Thái độ sống của HS | 3,36 | 0,46 |
| 3 | Tính cách của HS | 3,53 | 0,82 |
| 4 | Quan hệ bạn bè của HS | 3,48 | 0,88 |
| 5 | Ứng xử giữa HS và giáo viên | 3,50 | 0,78 |
| 6 | Ứng xử giữa HS và phụ huynh | 3,70 | 0,86 |

2.3.2. Một số mô hình dự báo sự thay đổi cách ứng phó kim nén cảm xúc của học sinh trung học cơ sở khi gặp phải hành vi bạo lực học đường

Khi xem các yếu tố (nhận thức về HVBLHĐ của HS THCS; thái độ sống của HS; tính cách của HS; mối quan hệ bạn bè của HS; cách ứng xử học đường; cách ứng xử trong gia đình) là biến tác động và cách ứng phó kim nén cảm xúc của HS là biến phụ thuộc, thì việc sử dụng phép phân tích tương quan và hồi quy sẽ cho thấy mối quan hệ giữa chúng và qua đó chỉ ra một số mô hình dự báo sự thay đổi biểu hiện ứng phó bằng cách kim nén cảm xúc của HS THCS khi gặp phải HVBLHĐ (xem Bảng 2).

Kết quả cho thấy, cả 6 yếu tố ảnh hưởng đều có tương quan nghịch chiều với cách ứng phó kim nén cảm xúc của HS THCS bị BLHĐ. Tức là khi nhận thức của HS về HVBLHĐ càng đúng đắn, thái độ sống của HS càng tích cực, tính cách HS càng hướng ngoại, quan hệ bạn bè càng tốt, gia đình và nhà trường càng quan tâm tích cực tới HS thì HS càng ít sử dụng cách ứng phó kim nén cảm xúc.

Trong 6 yếu tố ảnh hưởng nghịch chiều với cách ứng phó

Bảng 2: Kết quả phân tích tương quan và hồi quy bậc nhất giữa các yếu tố ảnh hưởng đến cách ứng phó kim nén cảm xúc của HS THCS khi bị BLHĐ

| Biến tác động | Biến phụ thuộc | |
|-----------------------------|--------------------|---------------------|
| | Hệ số tương quan r | Hệ số hồi quy r_2 |
| Nhận thức của HS về HVBLHĐ | -0,42** | 0,18*** |
| Thái độ sống của HS | -0,28** | 0,08*** |
| Tính cách của HS | -0,30** | 0,09*** |
| Quan hệ bạn bè của HS | -0,37** | 0,14*** |
| Ứng xử giữa thầy cô và HS | -0,41** | 0,17*** |
| Ứng xử giữa phụ huynh và HS | -0,42** | 0,18*** |

(Ghi chú: ***khi $p < 0,001$; **khi $p < 0,01$)

kim nén cảm xúc của HS thì cách ứng xử trong gia đình và nhận thức của HS THCS về HVBLHĐ, là 2 biến số tác động mạnh nhất, cùng giải thích được 18% những thay đổi của cách ứng phó này. Biến tác động yếu nhất là thái độ sống của HS, giải thích được 8% những thay đổi của cách ứng phó này.

Trên thực tế, khó có trường hợp chỉ có một biến tác động độc lập đến cách ứng phó kim nén cảm xúc của HS THCS bị BLHĐ mà không bị các biến khác gây nhiễu. Vì vậy, phép phân tích hồi quy bội Stepwise (đưa dần vào các biến tác động và loại dần ra những biến không còn ý nghĩa tác động) được chúng tôi sử dụng để phát hiện các mô hình hồi quy tối ưu và phù hợp hơn. Toàn bộ 6 yếu tố ảnh hưởng được đưa vào phân tích hồi quy bội (mối tương quan cao nhất giữa các biến tác động này có giá trị bằng 0,42) (xem Bảng 3).

Bảng 3: Ba mô hình dự báo sự thay đổi cách ứng phó kim nén cảm xúc của HS THCS khi bị BLHĐ

| Ba mô hình dự báo sự thay đổi cách ứng phó kim nén cảm xúc của HS THCS khi bị BLHĐ | Beta | Mức ý nghĩa (p) |
|--|-------|-----------------|
| Mô hình 1: $r_1 = 0,18$; hằng số = 4,15; $p < 0,001$ | | |
| 1 Ứng xử giữa phụ huynh và HS | -0,42 | 0,000 |
| Mô hình 2: $r_2 = 0,23$; hằng số = 4,79; $p < 0,001$ | | |
| 1 Ứng xử giữa phụ huynh và HS | -0,27 | 0,000 |
| 2 Nhận thức của HS về HVBLHĐ | -0,27 | 0,000 |
| Mô hình 3: $r_3 = 0,25$; hằng số = 4,98; $p < 0,01$ | | |
| 1 Ứng xử giữa phụ huynh và HS | -0,17 | 0,004 |
| 2 Nhận thức của HS về HVBLHĐ | -0,23 | 0,000 |
| 3 Ứng xử giữa thầy cô và HS | -0,18 | 0,001 |

Kết quả phân tích hồi quy bội Stepwise cho thấy, có 3 mô hình dự báo tối ưu: 1/ Ứng xử giữa phụ huynh và HS: Giải thích được 18% những thay đổi trong cách ứng phó kim nén cảm xúc của HS THCS khi gặp HVBLHĐ; 2/ Ứng xử giữa phụ huynh và HS; Nhận thức về HVBLHĐ của HS: Giải thích được 23% những thay đổi của cách ứng phó này; 3/ Ứng xử giữa phụ huynh và con, Nhận thức của HS về HVBLHĐ, Ứng xử giữa thầy cô và HS: Giải thích được 25% những thay đổi của cách ứng phó này.

Từ những kết quả phân tích hồi quy bội nêu trên, có thể xây dựng các phương trình dự báo sự thay đổi cách ứng phó kim nén cảm xúc của HS từ những thay đổi của các biến tác động. Chẳng hạn, với mô hình 3, có phương trình sau: Ứng phó bằng kim nén cảm xúc = 4,98 (hằng số) - 0,17 (ứng xử giữa phụ huynh và HS) - 0,23 (nhận thức của HS về HVBLHĐ) - 0,18 (ứng xử giữa thầy cô và HS). Trong mô hình này, nhận thức của HS về HVBLHĐ là biến có tác động mạnh nhất (Beat = - 0,23) và cách ứng xử giữa thầy cô và HS là biến có tác động yếu nhất (Beat = - 0,17) tới cách

ứng phó kim nén cảm xúc của HS THCS gặp HVBLHĐ. Với phép phân tích hồi quy bội, khi cả 6 biến tác động được lựa chọn để đưa vào xử lý thì tác động 3 yếu tố: Thái độ sống, đặc điểm tính cách và mối quan hệ bạn bè của HS đã bị giảm thiểu do không còn ý nghĩa thống kê.

3. Kết luận

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định 3 yếu tố (Ứng xử giữa phụ huynh và con, Nhận thức của HS về HVBLHĐ, Ứng xử giữa thầy cô và HS) là những yếu tố có ảnh hưởng tới cách ứng phó kim nén cảm xúc của HS THCS khi gặp HVBLHĐ. Đây là những yếu tố có khả năng dự báo cho những thay đổi của cách ứng phó này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nếu các yếu tố ảnh hưởng thay đổi theo hướng tích cực thì HS sẽ ít sử dụng cách ứng phó kim nén cảm xúc. Kết quả này gợi ý cho việc xây dựng những chương trình tác động giúp HS hạn chế cách ứng phó kim nén cảm xúc và thay thế bằng những cách ứng phó tích cực khi gặp HVBLHĐ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Tường, (2019), *Một số mô hình dự báo sự thay đổi biểu hiện ứng phó bằng suy nghĩ tiêu cực của học sinh Trung học cơ sở khi bị bạo lực học đường*, Tạp chí Tâm lý học, tháng 01 năm 2019, tr.75-90.
- [2] Lazarus R.S. & Folkman S, (1984), *Stress, Appraisal, and Coping*, Springer Publishing Company, New York, p.138 -140.
- [3] Corsini R.J, (1999), *The Dictionary of Psychology*, Brunner/Mazel Taylor & Francis Group, p. 223.
- [4] Trần Văn Công - Nguyễn Phương Hồng Ngọc - Ngô Thùy Dương - Nguyễn Thị Thắm, (2015), *Chiến lược ứng phó của học sinh với bắt nạt trực tuyến*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 31, số 3, tr.11-24.
- [5] Phan Thị Mai Hương (Chủ biên), (2007), *Cách ứng phó của trẻ vị thành niên với hoàn cảnh khó khăn*, NXB Khoa học Xã hội, tr.66-87.
- [6] Đinh Thị Hồng Vân, (2014), *Cách ứng phó với những cảm xúc âm tính trong quan hệ xã hội của trẻ vị thành niên thành phố Huế*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, tr.43-49.
- [7] Nguyễn Thị Huệ, (2012), *Một số vấn đề lý luận về kỹ năng ứng phó với các khó khăn tâm lý trong hoạt động*, Tạp chí Giáo dục, số 277, kì 1 - 1, tr.12 - 14.
- [8] Lê Văn Hào, (2014), *Phong cách ứng phó với căng thẳng liên quan đến thiên tai*, Tạp chí Tâm lý học, số tháng 12 năm 2014, tr.27-37.
- [9] Phan Mai Hương, (2005), *Mối tương quan giữa cách ứng phó trong hoàn cảnh khó khăn với các nhân tố nhân cách*, Tạp chí Tâm lý học, số tháng 5 năm 2005, tr. 27-29.

PREDICTING MODELS FOR REDUCING THE COPING SCHOOL VIOLENCE BY EMOTIONAL REPRESSION OF SECONDARY SCHOOL STUDENTS

Nguyen Van Tuong

University of Social Sciences and Humanities -
Hô Chí Minh City National University
No. 10 -12 Dinh Tien Hoang, Ben Nghe Ward,
district 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: tuongnguyen@hcmussh.edu.vn

ABSTRACT: *The findings of the questionnaire survey conducted in May 2018 on 417 secondary school students showed three main affecting factors to the coping school violence by emotional repression which are, namely, the awareness of school violence, the behavioral response between students and teachers and school staffs, the behavioral response between students and parents. The work has found out 3 predicting models which might reduce the coping school violence by emotional repression from those who are victimized in which behavioral response between students and their parents is the most important. This work might contribute to the suggestion on how to reduce coping by emotional repression, and improve the emotional well-being of school violence experienced students.*

KEYWORDS: School violence; victim of school violence; coping by emotional repression; affecting factors.